

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2020

V/v ly hôn giữa ông H và bà T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vương Thanh H, sinh năm 1947; đăng ký HKTT: 54/24A đường H, phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi ở hiện nay: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-05-2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Vương Thanh H trình bày:

Ông kết hôn với bà Đỗ Thị T ngày 19-4-2016; có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Trước khi kết hôn hai bên đã tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của nhau và tự nguyện kết hôn. Tháng 04-2016 ông bà vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống cùng các con riêng của ông. Đến tháng 08-2018 do bà T bị bệnh tim nên ông bà về quê sinh sống tại nhà riêng của ông ở Xóm 7, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Trong thời gian chung sống giữa ông và bà T thường hay xảy ra cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, cách ứng xử

của bà T không tệ nên ông nhận thấy không có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc; giữa ông và các anh chị em ruột của bà T cũng xảy ra mâu thuẫn. Nay ông xác định không thể sống chung với bà T nữa nên xin được giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai nên ông không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn ông nhận hỗ trợ cho bà T 40.000.000 đồng để bà T đảm bảo ổn định cuộc sống.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-6-2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà thống nhất với ông H về quá trình kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Bà T còn trình bày: Bà và ông H trong quá trình sống chung cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nhưng mâu thuẫn không lớn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H nóng tính khi uống rượu hay chửi bà, nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình với người khác, chê bai anh em bên vợ gây tâm lý ức chế cho bà. Từ khoảng tháng 09-2017 khi thấy bà bị bệnh tim thì ông H đối xử lạnh nhạt. Nay bà xác định tuổi đã cao, chỉ muốn yên phận gia đình, khi kết hôn ông H đã viết giấy cam kết yêu thương bà đến cuối đời nên bà không nhất trí ly hôn, yêu cầu ông H thực hiện theo đúng cam kết.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất với ông H, vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà T trình bày nếu ông H muốn ly hôn thì phải bồi thường cho bà công sức chăm sóc gia đình ông H từ khi kết hôn đến nay theo mức thu nhập trung bình là 5.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đều chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vương Thanh H đối với bà Đỗ Thị T; buộc ông H nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Vương Thanh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Vương Thanh H và bà Đỗ Thị T kết

hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19-4-2016 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định do đó có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chỉ sinh sống ở quê một thời gian ngắn rồi vào tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống; đến tháng 08-2018 về quê sinh sống tại Xóm 7, xã H, huyện H. Trong thời gian chung sống ông H và bà T có xảy ra mâu thuẫn bất hòa, tuy các bên còn có lời khai khác nhau về nguyên nhân xảy mâu thuẫn vợ chồng nhưng đều thừa nhận mâu thuẫn là có thật, ông H thường xuyên vào tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống với các con riêng. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã trầm trọng, đến nay ông H vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, tuy bà T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Vương Thanh H đối với bà Đỗ Thị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông H và bà T thống nhất không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông H và bà T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, bị đơn bà Đỗ Thị T có yêu cầu ông Vương Thanh H bồi thường công sức lao động trong thời gian chung sống từ khi kết hôn tháng 04-2016 đến nay với mức thu nhập trung bình bà T tự tính là 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã đóng góp công sức lao động cho gia đình ông H, cũng không có cơ sở xác định khi ly hôn bà T sẽ gặp khó khăn, túng thiếu cần được cấp dưỡng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường như trên của bà T nhưng ông H có ý kiến nhận hỗ trợ cho bà T 40.000.000 đồng để ổn định cuộc sống sau khi ly hôn. Xét đề nghị trên của ông H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Vương Thanh H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí nên ông H được miễn án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Vương Thanh H và bà Đỗ Thị T.

2. Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vương Thanh H nhận hỗ trợ cho bà Đỗ Thị T để ổn định cuộc sống sau khi ly hôn là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Vương Thanh H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên